BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TÀI NĂNG MÚA HỌC SINH SINH VIÊN TOÀN QUỐC NĂM 2026

Số 2326 /QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức Cuộc thi Tài năng Múa học sinh sinh viên toàn quốc năm 2026

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TÀI NĂNG MÚA HỌC SINH SINH VIÊN TOÀN QUỐC NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 298/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-VHTTDL ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức Cuộc thi Tài năng Múa học sinh sinh viên toàn quốc năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2260/QĐ-VHTTDL ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thành lập Ban Tổ chức, Tổ giúp việc Cuộc thi Tài năng Múa học sinh sinh viên toàn quốc năm 2026;

Theo đề nghị của Ban Tổ chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức Cuộc thi Tài năng Múa học sinh sinh viên toàn quốc năm 2026.

Điều 2. Kinh phí hoạt động được bố trí từ kinh phí sự nghiệp Văn hóa - Thông tin năm 2026 cấp qua Văn phòng Bộ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác *(nếu có)*.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký, Tổ Giúp việc, các thí sinh, cơ sở đào tạo tham gia Cuộc thi và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng *(để báo cáo)*;
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng *(để biết)*;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng;
- Sở VHTTDL, Sở VHTT tỉnh/thành phố;
- Các cơ sở đào tạo nghệ thuật liên quan;
- Lưu VT, KHCNĐTMT, TN (30).

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

THỨ TRƯỞNG
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Tạ Quang Đông

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TÀI NĂNG MÚA HỌC SINH SINH VIÊN TOÀN QUỐC NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức Cuộc thi Tài năng Múa học sinh sinh viên toàn quốc năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 2326/QĐ-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Ban Tổ chức Cuộc thi Tài năng Múa học sinh sinh viên toàn quốc năm 2026)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi và chủ đề Cuộc thi

1. Tên đầy đủ: Cuộc thi Tài năng Múa học sinh sinh viên toàn quốc năm 2026.

2. Chủ đề: Tài năng Múa trẻ: Gìn giữ bản sắc - Tỏa sáng tương lai.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về mục đích, nguyên tắc tổ chức, thời gian, địa điểm, đối tượng, điều kiện và hồ sơ dự thi; nội dung, hình thức dự thi; tổ chức hoạt động của Cuộc thi; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân tham gia; kinh phí; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, kiến nghị trong phạm vi Cuộc thi.

2. Việc chấm thi, phương pháp chấm điểm, tiêu chí chấm, cơ cấu và mức giải thưởng, trình tự xét, xác định và công bố kết quả thực hiện theo Quy chế chấm, xét giải thưởng.

3. Quy chế này áp dụng đối với Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký, Tổ Giám sát, Tổ Thẩm định hồ sơ, thí sinh, đơn vị cử thí sinh, Trưởng đoàn, người phụ trách đoàn và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, tham gia Cuộc thi.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Phát hiện, tôn vinh và khuyến khích phát triển tài năng trẻ trong lĩnh vực nghệ thuật múa; tạo môi trường để học sinh, sinh viên giao lưu, học hỏi, nâng cao trình độ kỹ thuật và nghệ thuật biểu diễn, từng bước tiếp cận các sân chơi múa chuyên nghiệp trong khu vực và quốc tế.

2. Khuyến khích các cơ sở đào tạo quan tâm, đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghệ thuật múa; khuyến khích học sinh, sinh viên và lực lượng sáng tạo trẻ phát huy khả năng sáng tạo, xây dựng các tác phẩm có giá trị nội dung, tư tưởng và thẩm mỹ, góp phần phát triển nguồn nhân lực nghệ thuật múa.

3. Cuộc thi được tổ chức chuyên nghiệp, trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức Cuộc thi

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Thí sinh trong cùng một Bảng thi được áp dụng thống nhất quy định về điều kiện dự thi, tiêu chí và phương pháp chấm điểm.

3. Các quyết định làm thay đổi tư cách dự thi, quyền lợi hoặc kết quả của thí sinh phải có căn cứ, đúng thẩm quyền và được ghi nhận bằng văn bản hoặc biên bản theo quy định.

4. Việc chấm điểm, niêm phong, mở niêm phong, tổng hợp và xác nhận kết quả được thực hiện dưới sự giám sát của Tổ Giám sát theo quy định.

5. Không cá nhân nào, kể cả thành viên Ban Tổ chức, được tự ý can thiệp, sửa đổi kết quả chấm thi của Ban Giám khảo. Việc điều chỉnh kết quả, nếu có, chỉ được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự và quy định của Quy chế này.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thí sinh là cá nhân được cơ sở đào tạo cử tham dự Cuộc thi, có tên trong danh sách đủ điều kiện dự thi do Ban Tổ chức công bố.

2. Đơn vị cử thí sinh là cơ sở đào tạo nơi thí sinh đang theo học.

3. Trưởng đoàn là người được đơn vị cử thí sinh giao bằng văn bản làm đại diện của đơn vị trong quan hệ với Ban Tổ chức.

4. Tác phẩm dự thi là tác phẩm múa hoặc trích đoạn vở múa do thí sinh đăng ký và trình diễn tại Cuộc thi.

5. Diễn viên phụ trợ là người tham gia trình diễn cùng thí sinh nhưng không đăng ký dự thi, không được chấm điểm và không được xét giải.

Điều 6. Thời gian, địa điểm

1. Cuộc thi Tài năng Múa học sinh sinh viên toàn quốc năm 2026 được tổ chức thành 2 đợt thi độc lập, cụ thể:

a) Đợt 1

- Thời gian: Từ ngày 03 tháng 11 năm 2026 đến ngày 06 tháng 11 năm 2026.

- Địa điểm: Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, số 51 đường Quốc Hương, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Nội dung: Khai mạc, thi các Bảng, Bế mạc, trao giải đợt 1.

b) Đợt 2

- Thời gian: Từ ngày 10 tháng 11 năm 2026 đến ngày 12 tháng 11 năm 2026.

- Địa điểm: Rạp Kim Mã, Nhà hát Sân khấu truyền thống quốc gia Việt Nam, số 71 đường Kim Mã, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

- Nội dung: Khai mạc, thi các Bảng, Bế mạc, trao giải đợt 2.

2. Mỗi đợt thi tổ chức 04 Bảng thi theo quy định và xét trao một bộ giải thưởng riêng. Kết quả của mỗi đợt thi được xác định độc lập trên cơ sở kết quả chấm thi và chất lượng thực tế của thí sinh, tác phẩm; không cộng gộp hoặc xếp hạng kết quả giữa hai đợt.

3. Ban Tổ chức quyết định phân bổ các cơ sở đào tạo tham dự về hai đợt thi căn cứ vào đăng ký của cơ sở đào tạo. Trường hợp cơ sở đào tạo không đăng ký đợt thi, Ban Tổ chức chủ động bố trí, ưu tiên theo vị trí địa lý thuận lợi cho

thí sinh và điều kiện tổ chức. Ban Tổ chức bảo đảm tổ chức đầy đủ 04 Bảng thi tại mỗi đợt, ưu tiên sử dụng cùng một Ban Giám khảo ở hai đợt để bảo đảm tính thống nhất, khách quan trong đánh giá; trường hợp cần thay đổi thành viên Ban Giám khảo, việc thay đổi được thực hiện theo thẩm quyền và bảo đảm các yêu cầu về chuyên môn, cơ cấu và nguyên tắc chấm thi.

Chương II
ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ DỰ THI

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự thi

1. Đối tượng dự thi là học sinh, sinh viên từ 14 đến không quá 35 tuổi *(tính đến ngày đăng ký dự thi)*, đang theo học tại các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật trên toàn quốc.

2. Điều kiện dự thi:

a) Đang theo học tại cơ sở đào tạo và được cơ sở đào tạo cử tham gia dự thi bằng văn bản;

b) Bảo đảm sức khỏe để tham gia Cuộc thi; có bảo hiểm y tế theo quy định và thực hiện các yêu cầu về bảo đảm an toàn, sức khỏe trong thời gian tham gia Cuộc thi

c) Trường hợp thí sinh chưa đủ 18 tuổi tại thời điểm khai mạc đợt thi mà thí sinh tham dự, phải có văn bản đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp đính kèm trong hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh.

3. Không tiếp nhận thí sinh tự do.

4. Không giới hạn số lượng thí sinh đăng ký dự thi của mỗi cơ sở đào tạo; số lượng tiết mục, tác phẩm dự thi thực hiện theo quy định về hình thức và số lượng tiết mục, tác phẩm của thí sinh tại Quy chế này.

5. Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 02 Bảng thi; trong mỗi Bảng thi được đăng ký tối đa 02 tiết mục, tác phẩm *(Chỉ tính điểm của tiết mục, tác phẩm có điểm cao hơn trong cùng Bảng thi để xét giải).*

Điều 8. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

1. Công văn cử thí sinh dự thi của cơ sở đào tạo.

2. Bản đăng ký dự thi và cam kết của cơ sở đào tạo *(theo Mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy chế).*

3. Bản ghi âm nhạc nền của từng tác phẩm dự thi, định dạng WAV hoặc MP3 (đối với MP3, tốc độ dữ liệu tối thiểu 320 kbps) và bản ghi hình tác phẩm (nếu có) phục vụ công tác chuẩn bị và tổ chức thi.

4. 02 ảnh chân dung (kích thước 4cm x 6cm) và 02 ảnh biểu diễn của thí sinh (ảnh rõ nét, độ phân giải tối thiểu từ 300 dpi trở lên) phục vụ công tác truyền thông Cuộc thi.

Điều 9. Thời hạn và phương thức nộp hồ sơ

1. Thời hạn nộp hồ sơ: **Trước 17 giờ 00, ngày 10 tháng 10 năm 2026.** Quá thời hạn này, Ban Tổ chức không tiếp nhận hồ sơ.

2. Phương thức nộp:

a) Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến: Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 51 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

b) Nộp bản điện tử đến hộp thư điện tử: hoithitainangmua2026@gmail.com.

3. Thời điểm nộp hồ sơ:

a) Hồ sơ nộp trực tiếp: Thời điểm nộp hồ sơ được xác định là thời điểm Ban Tổ chức nhận được hồ sơ, thể hiện bằng giấy giao nhận của bộ phận tiếp nhận hồ sơ với đại diện cơ sở đào tạo;

b) Hồ sơ gửi qua đường bưu chính được chấp nhận nếu có dấu bưu điện nơi gửi trước 17 giờ 00 ngày 10 tháng 10 năm 2026 và được gửi đến Ban Tổ chức chậm nhất 07 ngày kể từ thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này

c) Hồ sơ gửi qua hộp thư điện tử: Thời điểm nộp hồ sơ được xác định là thời gian thư điện tử của cơ sở đào tạo đến hộp thư điện tử của Cuộc thi.

4. Đầu mối tiếp nhận và giải đáp: Bà Nguyễn Thị Kim Thương, Chuyên viên chính Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; điện thoại: 0981.278.186.

Điều 10. Thẩm định hồ sơ và tư cách dự thi

1. Ban Tổ chức thành lập Tổ Thẩm định hồ sơ để rà soát điều kiện dự thi, tính hợp lệ của hồ sơ và sự phù hợp của tác phẩm đăng ký với Bảng thi.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điều 9. Ban Tổ chức công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và thông báo kết quả thẩm định đối với các hồ sơ không hợp lệ cho đơn vị cử thí sinh.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày công bố, Trưởng đoàn có quyền gửi văn bản đề nghị xem xét lại về tư cách dự thi của thí sinh thuộc đơn vị mình. Ban Tổ chức trả lời bằng văn bản trong 03 ngày làm việc. Kết quả xem xét của Ban Tổ chức là căn cứ để xác định tư cách dự thi của thí sinh, trừ trường hợp phát hiện gian lận hoặc thông tin sai lệch sau thời hạn quy định

4. Sau thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này, mọi khiếu nại về tư cách dự thi của thí sinh không được xem xét, trừ trường hợp phát hiện hành vi gian lận hồ sơ dự thi.

Điều 11. Thay đổi, rút đăng ký dự thi

1. Việc thay đổi tác phẩm dự thi chỉ được chấp thuận nếu đơn vị cử thí sinh dự thi có văn bản đề nghị gửi đến Ban Tổ chức chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc mỗi đợt thi và tác phẩm thay thế đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Điều 13, Điều 14 Quy chế này.

2. Không được thay thế thí sinh dự thi, trừ trường hợp bất khả kháng có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và được Trưởng Ban Tổ chức chấp thuận bằng văn bản chậm nhất 10 ngày trước Ngày Khai mạc mỗi đợt thi.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, mọi đề nghị thay đổi đều không được chấp thuận. Thí sinh trình diễn tác phẩm khác với tác

phẩm đã đăng ký thì không được xét giải đối với tiết mục đó. Việc điều chỉnh kỹ thuật, cắt gọn trong phạm vi thời lượng quy định, không làm thay đổi bản chất tác phẩm, không được coi là thay đổi tác phẩm

4. Thí sinh rút đăng ký phải có văn bản của đơn vị cử thí sinh gửi Ban Tổ chức chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc đợt thi.

Chương III
THỂ LỆ VÀ NỘI DUNG THI

Điều 12. Bảng thi và cơ cấu vòng thi

1. Cuộc thi được tổ chức thành 02 đợt thi độc lập, quy định tại Điều 6 của Quy chế, mỗi đợt thi gồm có 04 Bảng thi:

a) Bảng A: Múa Cổ điển Châu Âu (Ballet) và Ballet hiện đại;

b) Bảng B: Múa Đương đại;

c) Bảng C: Múa Dân gian dân tộc và Múa truyền thống;

d) Bảng D: Tài năng Biên đạo.

2. Hình thức thi:

Bảng A, B, C gồm: Múa đơn (Solo), múa đôi (Duo), múa ba (Trio), Múa đơn trong múa nhóm *(Diễn viên phụ trợ không quá 10 người và không được chấm điểm, xét giải);*

Bảng D: Thi tác phẩm do thí sinh biên đạo, có thể sử dụng hình thức múa đơn, múa đôi, múa ba, nhóm múa…

3. Mỗi đợt thi gồm 01 vòng thi duy nhất; kết quả của vòng thi là căn cứ để Ban Tổ chức xét và trao giải thưởng của đợt thi.

4. Mỗi Bảng thi được xét giải độc lập. Không so sánh, không quy đổi điểm giữa các Bảng thi.

5. Bảng thi được tổ chức trên cơ sở có thí sinh đủ điều kiện dự thi; trường hợp số lượng thí sinh ít, BTC quyết định phương án tổ chức và cơ cấu giải thưởng phù hợp.

Điều 13. Số lượng, thể loại và thời lượng tác phẩm dự thi

1. Đối với các Bảng A, B, C

a) Thí sinh dự thi biểu diễn tiết mục hoặc trích đoạn vở múa theo hình thức đã đăng ký;

b) Thời lượng biểu diễn: Từ 04 đến 08 phút *(riêng trích đoạn Ballet cổ điển thuộc Bảng A có thể thực hiện theo thời lượng phù hợp với trích đoạn được lựa chọn nhưng không quá 10 phút).*

2. Đối với Bảng D

a) Tác phẩm dự thi do thí sinh là học sinh, sinh viên sáng tác, biên đạo.

b) Không giới hạn phong cách và hình thức múa.

c) Thời lượng trình diễn tác phẩm: Từ 05 đến 12 phút.

3. Thời lượng được tính từ thời điểm bắt đầu phát nhạc hoặc thời điểm thí sinh bắt đầu động tác đầu tiên trên sân khấu (tùy thời điểm nào đến trước) đến

thời điểm kết thúc động tác cuối cùng. Tổ Thư ký bấm giờ và ghi vào biên bản buổi thi.

4. Việc vượt hoặc thiếu thời lượng bị trừ điểm theo quy định tại Quy chế chấm, xét giải thưởng.

Điều 14. Yêu cầu đối với tiết mục, tác phẩm dự thi

1. Tiết mục, tác phẩm dự thi phải phù hợp với nội dung, yêu cầu và đặc trưng của Bảng thi đã đăng ký.

2. Tiết mục, tác phẩm có chủ đề tư tưởng rõ ràng, có sáng tạo về kết cấu ngôn ngữ múa và hình thức thể hiện; nội dung thể hiện sự phong phú, đa dạng của đời sống xã hội và con người Việt Nam, đề cao cái đẹp và các giá trị nhân văn. Khuyến khích khai thác chất liệu văn hóa Việt Nam, sáng tạo trên nền tảng truyền thống hoặc ngôn ngữ múa đương đại.

3. Tác phẩm dự thi không được có nội dung vi phạm quy định của pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Điều 15. Quyền tác giả và quyền liên quan

1. Thí sinh và đơn vị cử thí sinh chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm múa, tác phẩm âm nhạc và bản ghi âm sử dụng trong tác phẩm dự thi.

2. Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan, thí sinh và đơn vị cử thí sinh tự giải quyết và chịu mọi trách nhiệm về các tranh chấp có liên quan.

3. Trường hợp có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật xác định tác phẩm dự thi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, Ban Tổ chức áp dụng biện pháp quy định tại Điều 33 Quy chế này.

Điều 16. Quyền ghi âm, ghi hình và sử dụng hình ảnh

1. Ban Tổ chức được ghi âm, ghi hình, chụp ảnh các hoạt động của Cuộc thi để phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, lưu trữ và giới thiệu, quảng bá Cuộc thi theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng, công bố, phát sóng, phát trực tuyến hoặc khai thác bản ghi âm, ghi hình được thực hiện theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thí sinh, đơn vị cử thí sinh dự thi được sử dụng bản ghi phục vụ mục đích học tập, lưu niệm và quảng bá hoạt động đào tạo; không được sử dụng vào mục đích thương mại nếu không có văn bản chấp thuận của Ban Tổ chức.

4. Đối với thí sinh chưa đủ 18 tuổi, việc sử dụng hình ảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về trẻ em và phải có văn bản đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

5. Ban Tổ chức ghi hình toàn bộ các buổi thi. Bản ghi hình được lưu trữ theo quy định tại Điều 34 Quy chế này và là căn cứ để giải quyết khiếu nại.

Điều 17. Thứ tự biểu diễn và chạy sân khấu

1. Thứ tự tiết mục dự thi trong từng Bảng thi được Ban Tổ chức sắp xếp căn cứ theo tiết mục đăng ký và đảm bảo yếu tố an toàn, thuận lợi trong sắp xếp

đạo cụ, thiết kế sân khấu; thứ tự tiết mục dự thi được công bố chậm nhất 03 ngày trước ngày thi của mỗi đợt thi.

2. Thời gian chạy sân khấu được chia đều cho các thí sinh; mỗi thí sinh được bố trí thời lượng bằng nhau cho mỗi tác phẩm. Thời gian chạy sân khấu được Ban Tổ chức sắp xếp và công bố chậm nhất 05 ngày trước ngày thi của mỗi đợt thi.

Điều 18. Trình tự một lượt thi và xử lý tình huống

1. Thí sinh có mặt tại khu vực tập kết chậm nhất 60 phút trước giờ dự kiến biểu diễn và xuất trình Căn cước công dân, thẻ thí sinh để kiểm tra.

2. Người dẫn chương trình giới thiệu mã số thí sinh, tên tác phẩm. Ban Tổ chức không giới thiệu tên cơ sở đào tạo, tên biên đạo, huấn luyện viên trước khi thí sinh trình diễn.

3. Thí sinh được gọi tên 03 lần trong 03 phút mà không có mặt tại vị trí xuất phát thì bị xử lý bỏ cuộc đối với tiết mục đó và không được chấm điểm.

4. Xử lý sự cố:

a) Việc xác định sự cố thuộc nguyên nhân của Ban Tổ chức phải được lập biên bản, có xác nhận của đại diện Ban Tổ chức, Tổ Giám sát và Trưởng đoàn. Sự cố do nguyên nhân từ phía Ban Tổ chức, gồm mất điện, hỏng thiết bị âm thanh, ánh sáng, mặt sàn không bảo đảm an toàn: thí sinh được trình diễn lại toàn bộ tác phẩm, không bị trừ điểm, thứ tự trình diễn lại xếp vào cuối buổi thi.

b) Thí sinh bị chấn thương phải dừng trình diễn: bộ phận y tế đánh giá và có ý kiến; Trưởng Ban Giám khảo quyết định cho thí sinh trình diễn lại một lần trong cùng buổi thi hoặc chấm điểm trên phần đã trình diễn, bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng; quyết định phải được lập biên bản có xác nhận của Tổ Giám sát.

c) Trưởng Ban Giám khảo có quyền dừng phần trình diễn khi phát hiện nguy cơ mất an toàn, vi phạm nghiêm trọng quy định về nội dung, trang phục, đạo cụ hoặc thí sinh trình diễn tác phẩm khác với tác phẩm đã đăng ký. Việc dừng phần trình diễn phải được nêu lý do công khai và ghi biên bản.

5. Mọi tình huống phát sinh không được quy định tại Quy chế này do Trưởng Ban Tổ chức quyết định sau khi có ý kiến của Trưởng Ban Giám khảo và Tổ Giám sát; quyết định phải được lập biên bản và thông báo công khai cho các Trưởng đoàn trước khi tiếp tục buổi thi.

Chương IV
BỘ MÁY TỔ CHỨC CUỘC THI

Điều 19. Ban Tổ chức

1. Ban Tổ chức do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập, gồm 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban thường trực, 01 Phó Trưởng ban và các Thành viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Tổ chức:

a) Chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Cuộc thi; bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, hậu cần, an ninh, an toàn, y tế và các điều kiện cần thiết khác;

b) Quyết định công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, thứ tự biểu diễn và công bố kết quả chính thức của từng đợt thi trên cơ sở kết quả chấm thi và theo quy định của Quy chế này;

c) Xem xét, quyết định việc xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, kiến nghị theo thẩm quyền quy định tại Quy chế này;

d) Xem xét, quyết định trao giải trên cơ sở kết quả chấm thi và đề xuất của Ban Giám khảo;

đ) Quyết định các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức Cuộc thi thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Trưởng Ban Tổ chức:

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành chung và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về toàn bộ hoạt động của Ban Tổ chức và việc tổ chức Cuộc thi;

b) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Tổ chức; chủ trì xem xét, xử lý các vấn đề quan trọng, phức tạp hoặc phát sinh trong quá trình tổ chức Cuộc thi;

c) Phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực và các thành viên; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định;

d) Quyết định thành lập Tổ Thư ký, Tổ Giám sát và Tổ Thẩm định hồ sơ.

4. Phó Trưởng ban thường trực:

a) Giúp Trưởng Ban Tổ chức chỉ đạo, điều phối, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ chuẩn bị và tổ chức Cuộc thi;

b) Là đầu mối thường trực của Ban Tổ chức, chủ trì phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và thành viên Ban Tổ chức; theo dõi, tổng hợp tình hình, tiến độ thực hiện;

c) Chỉ đạo Tổ Thư ký chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và các điều kiện phục vụ hoạt động của Ban Tổ chức;

d) Chủ trì tham mưu, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh; báo cáo Trưởng Ban Tổ chức xem xét, quyết định;

đ) Thay mặt Trưởng Ban Tổ chức điều hành công việc khi được Trưởng Ban Tổ chức phân công hoặc ủy quyền.

5. Phó Trưởng ban:

a) Giúp Trưởng Ban Tổ chức chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công, phụ trách các lĩnh vực, địa bàn hoặc đợt thi theo phân công của Trưởng Ban Tổ chức;

b) Phối hợp với các thành viên Ban Tổ chức trong triển khai các nhiệm vụ của Cuộc thi;

c) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công; kịp thời báo cáo, đề xuất Trưởng Ban Tổ chức xử lý các vấn đề phát sinh;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công hoặc ủy quyền của Trưởng Ban Tổ chức.

6. Các thành viên Ban Tổ chức:

a) Thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực chuyên môn, cơ quan, đơn vị hoặc địa bàn được Trưởng Ban Tổ chức phân công;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng và yêu cầu của Cuộc thi;

c) Tham gia các cuộc họp, cho ý kiến và chịu trách nhiệm về nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ được phân công;

d) Kịp thời báo cáo Phó Trưởng ban thường trực hoặc Trưởng Ban Tổ chức về tình hình, tiến độ và các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

7. Thành viên Ban Tổ chức không được đồng thời là thành viên Ban Giám khảo, không được tham gia chấm điểm và không được can thiệp vào nhận định chuyên môn của Ban Giám khảo.

Điều 20. Ban Giám khảo

Ban Giám khảo do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập.

Thành phần, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, chế độ bảo mật và những việc thành viên Ban Giám khảo không được làm thực hiện theo Quy chế chấm, xét giải thưởng.

Điều 21. Tổ Thư ký

1. Tổ Thư ký gồm 03 thành viên, trong đó có đại diện Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường, Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và đại diện đơn vị khác theo phân công.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chuẩn bị tài liệu, phiếu chấm điểm phục vụ Ban Giám khảo; cấp và quản lý mã số thí sinh;

b) Bấm giờ, ghi nhận thời lượng trình diễn của từng tác phẩm;

c) Thu phiếu chấm điểm, niêm phong, tổng hợp điểm theo quy trình quy định tại Quy chế chấm, xét giải thưởng;

d) Ghi biên bản các cuộc họp của Ban Giám khảo và biên bản từng buổi thi;

đ) Phát hiện, báo cáo Ban Tổ chức và Tổ Giám sát các hành vi vi phạm Quy chế;

e) Giữ bí mật tuyệt đối về kết quả chấm điểm cho đến khi được công bố.

3. Thành viên Tổ Thư ký không được đồng thời là thành viên Ban Giám khảo hoặc Tổ Giám sát.

Điều 22. Tổ Giám sát

1. Tổ Giám sát gồm từ 03 đến 05 thành viên, trong đó có đại diện Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường, Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và đại diện đơn vị khác theo phân công.

2. Thành viên Tổ Giám sát không được đồng thời là thành viên Ban Giám khảo hoặc Tổ Thư ký; không có xung đột lợi ích hoặc quan hệ có thể ảnh hưởng đến tính khách quan trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Giám sát việc thẩm định tư cách dự thi, sắp xếp thứ tự biểu diễn, chấm điểm, niêm phong phiếu, nhập và tổng hợp điểm;

b) Chứng kiến và ký xác nhận việc niêm phong, mở niêm phong phiếu chấm điểm;

c) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại; xác minh và báo cáo Trưởng Ban Tổ chức quyết định;

d) Kiến nghị Trưởng Ban Tổ chức tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của buổi thi khi phát hiện vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục;

đ) Báo cáo Trưởng Ban Tổ chức bằng văn bản về kết quả giám sát trước khi công bố kết quả dự kiến.

4. Tổ Giám sát không có quyền chấm điểm, không được can thiệp vào nhận định chuyên môn của thành viên Ban Giám khảo và không được yêu cầu thay đổi điểm đã chấm.

5. Ban Tổ chức công bố số điện thoại và hộp thư điện tử công vụ của Tổ Giám sát để tiếp nhận phản ánh trong suốt thời gian diễn ra Cuộc thi. Danh tính người phản ánh được giữ bí mật.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÍ SINH, ĐƠN VỊ CỬ THÍ SINH DỰ THI

Điều 23. Quyền của thí sinh và đơn vị cử thí sinh dự thi

1. Được cung cấp đầy đủ Quy chế Tổ chức, Quy chế chấm, xét giải thưởng, Thông báo triệu tập, Phụ lục kỹ thuật và lịch chạy sân khấu, lịch thi trước Ngày Khai mạc đợt thi.

2. Được biết danh sách Ban Giám khảo trước Ngày Khai mạc đợt thi.

3. Được bố trí thời gian chạy sân khấu bằng nhau; được bảo đảm điều kiện kỹ thuật như đã công bố.

4. Được biết điểm và kết quả xếp loại/xếp hạng theo quy định trong Bảng thi sau khi kết quả được công bố.

5. Được khiếu nại thông qua Trưởng đoàn theo quy định tại Điều 30 Quy chế này.

Điều 24. Nghĩa vụ của thí sinh và đơn vị cử thí sinh dự thi

1. Kê khai trung thực, đầy đủ hồ sơ dự thi; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã kê khai.

2. Chấp hành Quy chế, lịch thi, thứ tự biểu diễn, sự điều hành của Ban Tổ chức và quy định của địa điểm tổ chức.

3. Đơn vị cử thí sinh dự thi cử Trưởng đoàn; cử người phụ trách đi kèm đối với thí sinh chưa đủ 18 tuổi trong suốt thời gian diễn ra Cuộc thi.

4. Tự bảo quản tài sản, tư trang cá nhân.

5. Chịu trách nhiệm về kinh phí hình thành tiết mục, tác phẩm dự thi; chi phí đi lại, ăn, ở của thí sinh và cá nhân trong Đoàn.

Điều 25. Nguyên tắc ứng xử và các hành vi bị nghiêm cấm

1. Thí sinh, đơn vị cử thí sinh dự thi, biên đạo, huấn luyện viên, người phụ trách đoàn và mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến Cuộc thi có trách nhiệm chấp hành pháp luật, Quy chế này và các quy định của Ban Tổ chức; bảo đảm trung thực, khách quan, công bằng, tôn trọng lẫn nhau và giữ gìn uy tín của Cuộc thi.

2. Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

a) Gian lận, làm sai lệch, giả mạo hoặc che giấu thông tin về tư cách dự thi, hồ sơ, tác phẩm dự thi và quá trình tham gia Cuộc thi; dự thi thay hoặc để người khác dự thi thay;

b) Mọi hành vi tác động đến tính khách quan của công tác tổ chức, chấm thi và xét giải thưởng;

c) Xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với tác phẩm, phần trình diễn, âm nhạc, thiết kế được sử dụng tại Cuộc thi;

d) Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, sức khỏe, tài sản của tổ chức, cá nhân tham gia Cuộc thi; gây mất an ninh, trật tự, an toàn tại địa điểm tổ chức và trong các hoạt động của Cuộc thi;

đ) Cung cấp, phát tán thông tin sai sự thật, chưa được kiểm chứng hoặc chưa được phép công bố về Cuộc thi, gây ảnh hưởng tiêu cực đến Cuộc thi và các tổ chức, cá nhân liên quan;

e) Các hành vi khác trái quy định của pháp luật, Quy chế này, quy định của Ban Tổ chức, trái đạo đức nghề nghiệp và thuần phong mỹ tục.

3. Đơn vị cử thí sinh dự thi, người phụ trách đoàn chịu trách nhiệm trong phạm vi quản lý khi có lỗi hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý theo quy định; tổ chức, cá nhân biết hành vi vi phạm mà không ngăn chặn hoặc không kịp thời báo cáo Ban Tổ chức phải chịu trách nhiệm theo mức độ liên quan.

4. Trưởng Ban Tổ chức xem xét, quyết định xử lý hành vi vi phạm và quyết định hình thức xử lý theo quy định tại Quy chế này. Đối với trường hợp phát sinh chưa được Quy chế quy định cụ thể, Trưởng Ban Tổ chức quyết định trên cơ sở nguyên tắc tại khoản 1 Điều này và báo cáo cấp có thẩm quyền khi cần thiết.

Điều 26. Trưởng đoàn

1. Mỗi đơn vị cử thí sinh cử 01 Trưởng đoàn bằng văn bản. Trưởng đoàn là đầu mối duy nhất trong quan hệ với Ban Tổ chức Cuộc thi.

2. Trưởng đoàn có trách nhiệm: dự Hội nghị Trưởng đoàn; được quyền góp ý về thứ tự sắp xếp dự thi; phổ biến Quy chế cho thí sinh; ký xác nhận các biên bản liên quan đến đơn vị mình; ký đơn khiếu nại theo quy định tại Điều 30 Quy chế này.

3. Ban Tổ chức không tiếp nhận kiến nghị, khiếu nại từ cá nhân thí sinh, cha, mẹ, người giám hộ, biên đạo, huấn luyện viên hoặc bất kỳ cá nhân nào khác ngoài Trưởng đoàn.

Chương VI
GIẢI THƯỞNG, KINH PHÍ, AN TOÀN

Điều 27. Giải thưởng

Cơ cấu giải thưởng, ngưỡng điểm xét giải, nguyên tắc xử lý đồng điểm, mức tiền thưởng và trình tự công bố, trao giải thực hiện theo Quy chế chấm, xét giải thưởng.

Điều 28. Kinh phí

1. Ban Tổ chức bảo đảm kinh phí tổ chức Cuộc thi và kinh phí giải thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước được giao và các nguồn hợp pháp khác, thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các định mức chi hiện hành.

2. Đơn vị cử thí sinh bảo đảm kinh phí xây dựng tác phẩm; chi phí đi lại, ăn, ở của thí sinh, cá nhân trong Đoàn và các chi phí khác trong thời gian diễn ra Cuộc thi.

3. Ban Tổ chức không thu bất kỳ khoản lệ phí nào của thí sinh và đơn vị cử thí sinh.

Điều 29. An toàn, y tế và bảo hiểm

1. Ban Tổ chức bố trí lực lượng y tế thường trực trong toàn bộ thời gian chạy sân khấu và thi; bảo đảm mặt sàn, thiết bị treo, hệ thống điện đạt yêu cầu an toàn; kiểm tra kỹ thuật trước mỗi buổi thi và lập biên bản.

2. Đơn vị cử thí sinh chịu trách nhiệm về việc thí sinh dự thi có bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế theo quy định.

3. Trường hợp xảy ra tai nạn, Ban Tổ chức tổ chức sơ cứu, chuyển tuyến kịp thời và lập biên bản theo quy định của pháp luật.

Chương VII
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 30. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Chủ thể khiếu nại: chỉ Trưởng đoàn được gửi đơn khiếu nại. Đơn phải lập thành văn bản, có chữ ký của Trưởng đoàn và xác nhận của đơn vị cử thí sinh dự thi theo quy định, nêu rõ nội dung khiếu nại và điều khoản của Quy chế làm căn cứ.

2. Phạm vi khiếu nại: chỉ khiếu nại về tư cách dự thi; về trình tự, thủ tục tổ chức và điều hành buổi thi; về việc áp dụng sai điều khoản của Quy chế.

3. Không thuộc phạm vi khiếu nại: nhận định, đánh giá chuyên môn và mức điểm do thành viên Ban Giám khảo chấm cho từng tiêu chí. Đây là thẩm quyền chuyên môn độc lập của Ban Giám khảo.

4. Thời hạn khiếu nại:

a) Về tư cách dự thi: 05 ngày kể từ ngày Ban Tổ chức công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi;

b) Về trình tự, thủ tục và diễn biến buổi thi: chậm nhất 60 phút kể từ thời điểm kết thúc buổi thi đó;

5. Đơn gửi quá thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này không được thụ lý.

6. Trình tự giải quyết: Tổ Giám sát tiếp nhận, xác minh, đối chiếu biên bản gốc và bản ghi hình, báo cáo Trưởng Ban Tổ chức. Trưởng Ban Tổ chức quyết định bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn hợp lệ.

7. Quyết định của Trưởng Ban Tổ chức là quyết định cuối cùng trong phạm vi Cuộc thi. Quy định này không hạn chế quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

8. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, Cuộc thi vẫn được tiến hành bình thường. Trường hợp khiếu nại có căn cứ và ảnh hưởng đến kết quả, Trưởng Ban Tổ chức quyết định tạm dừng việc công bố kết quả của nội dung có liên quan cho đến khi giải quyết xong.

Điều 31. Xử lý vi phạm đối với thí sinh và đơn vị cử thí sinh

1. Tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm và các tình tiết liên quan, Ban Tổ chức xem xét, quyết định áp dụng một hoặc một số hình thức xử lý: nhắc nhở, cảnh cáo, đình chỉ phần thi, hủy kết quả tiết mục, hủy tư cách dự thi hoặc hủy kết quả của thí sinh.

2. Hủy kết quả tiết mục đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến tính trung thực, an toàn hoặc chất lượng chuyên môn của Cuộc thi, bao gồm:

a) Trình diễn tác phẩm khác với tác phẩm đã đăng ký mà không được Ban Tổ chức chấp thuận theo quy định;

b) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về nội dung, trang phục, đạo cụ, an toàn hoặc các quy định khác của Cuộc thi.

3. Hủy tư cách dự thi và kết quả của thí sinh đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 25 Quy chế này, đặc biệt là hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ, thay thế thí sinh, can thiệp hoặc làm sai lệch kết quả thi, mua chuộc hoặc tác động trái quy định đến thành viên Ban Giám khảo, Ban Tổ chức và các hành vi nghiêm trọng khác làm ảnh hưởng đến tính công bằng, minh bạch của Cuộc thi.

4. Đối với đơn vị cử thí sinh có thí sinh, cán bộ, giảng viên hoặc người thuộc đơn vị vi phạm Quy chế, Ban Tổ chức thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đến đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị (nếu có).

5. Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Ban Tổ chức lập hồ sơ, chuyển hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Xử lý vi phạm đối với thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký, Tổ Giám sát

1. Thành viên vi phạm quy định về bảo mật, hoặc thực hiện hành vi bị cấm theo Quy chế chấm, xét giải thưởng bị đình chỉ ngay nhiệm vụ.

2. Việc xử lý phiếu chấm của thành viên Ban Giám khảo bị đình chỉ thực hiện theo Quy chế chấm, xét giải thưởng

3. Hồ sơ vụ việc được chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để xem xét trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp xác định có hành vi đưa và nhận lợi ích, cả bên đưa và bên nhận đều bị xử lý.

Điều 33. Thu hồi giải thưởng

1. Giải thưởng đã trao bị thu hồi khi phát hiện thí sinh hoặc đơn vị cử thí sinh có hành vi vi phạm Quy chế này, gian lận hoặc không trung thực làm ảnh hưởng đến tư cách dự thi, kết quả chấm thi hoặc giải thưởng đã được trao.

2. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm và kết quả xác minh, Trưởng Ban Tổ chức xem xét, quyết định việc thu hồi giải thưởng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Việc thu hồi giải thưởng có thể bao gồm thu hồi Giấy chứng nhận, tiền thưởng và các quyền lợi khác gắn với giải thưởng đã trao, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm.

4. Quyết định thu hồi giải thưởng được gửi đến đơn vị cử thí sinh dự thi và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

5. Việc thu hồi giải thưởng được thực hiện khi phát hiện và có đủ căn cứ xác định vi phạm; trường hợp có liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan hoặc hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Lưu trữ hồ sơ

1. Các tài liệu của Cuộc thi được lập, quản lý và lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường chịu trách nhiệm lưu trữ và cung cấp tài liệu khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Trưởng Ban Tổ chức xem xét, quyết định bằng văn bản theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Ban Tổ chức (qua Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường) để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Trưởng Ban Tổ chức xem xét, giải quyết hoặc báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.